

Bản án số: 38/2024/HS-ST
Ngày: 27-11- 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH T**

T phiên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thiệu, ông Thẩm Văn Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Kiều Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Mạnh Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2024/TLST-HS ngày 07/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

N T P, sinh ngày: 23/10/1974. Tên gọi khác: Không. Tại xã Minh Hoà, huyện L, tỉnh T. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu 2, xã Đ, huyện L, tỉnh T.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ

Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: N N S, sinh năm 1935 (Đã chết); Mẹ đẻ: N T H, sinh năm 1934. Chồng: H V A, sinh năm 1973. Bị cáo có 04 người con.

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01 ngày 09/01/2024 của Công an huyện L xử phạt N T P số tiền 4.000.000đ về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác. Tính đến ngày 11/5/2024 chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại xã Đ, huyện L, tỉnh T (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị Thắm- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T - Có mặt.

* Bị hại: Anh N T Q, sinh năm 1986. Địa chỉ: khu Hạ Hoà, xã Minh Hoà, huyện L, tỉnh T - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

N T P, sinh ngày 23/10/1974, ở khu 2, xã Đ, huyện L, tỉnh T trước đó có mâu thuẫn, tranh chấp đất rừng với ông H T T, sinh năm 1950, ở khu 3, xã Đ, huyện L, tỉnh T. Ngày 12/9/2011, ông H T T khởi kiện ông H V A, sinh năm 1973, ở khu 2, Đ, L, T (ông A là chồng N T P) về việc ông A lấn chiếm diện tích đất của ông H

T T, tại thửa số 01, tờ bản đồ 01, bản đồ giao đất lâm nghiệp được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/1996 cho ông T, có địa chỉ tại khu 2, xã Đ, huyện L, tỉnh T. Tại bản án sơ thẩm số 07/2011/DSST, ngày 20/12/2011 của TAND huyện L đã xét xử buộc ông H V A phải trả cho ông H T T diện tích đất 21.985 m² tại thửa số 01, tờ bản đồ 01, có địa chỉ thuộc khu 2 xã Đ, huyện L, tỉnh T. Ông T được quyền sở hữu toàn bộ cây kakeo 01 năm tuổi trên diện tích đất trên và ông T thanh toán lại cho H V A số tiền 15.600.000 đồng giá trị cây kakeo. Ông A đã kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm. Tại bản án số 22/2012/DSPT ngày 26/4/2012, của Tòa án nhân dân tỉnh T đã xét xử, không chấp nhận kháng cáo của ông H V A, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 07/2011/DSST ngày 20/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện L. Ông H T T đã nộp đủ số tiền 15.600.000 đồng tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L để thi hành án. Ngày 16/4/2014, Chi cục Thi hành án huyện L đã tổ chức cưỡng chế giao tài sản quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất nêu trên cho ông H T T theo quy định của pháp luật.

Mặc dù, tranh chấp đất giữa ông T với gia đình N T P đã được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật và được tổ chức cưỡng chế thi hành, nhưng N T P vẫn cho rằng diện tích đất trên là của gia đình mình và đã nhiều lần ngăn cản khai thác đồi cây kakeo xảy ra tranh chấp trước đó. Ngày 16/10/2023, anh N T Q, sinh năm 1986, ở khu Hạ Hòa, xã Minh Hòa, huyện L, tỉnh T ký kết hợp đồng mua rừng cây nhiên liệu với ông H T T. Tại hợp đồng này anh Q được quyền khai thác toàn bộ số cây kakeo 12 năm tuổi được trồng trên diện tích đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, bản đồ giao đất lâm nghiệp thuộc khu 2, xã Đ, huyện L, tỉnh T thuộc quyền sở hữu của ông T. Sau khi ký kết hợp đồng thì anh Q tiến hành khai thác cây kakeo trong diện tích đất rừng đã ký kết hợp đồng. Ngày 02/01/2024, khi anh Q đang khai thác cây kakeo, thì N T P cùng với bà Phùng Thị Hán, sinh năm 1962, ở khu 2, xã Đ, huyện L đến ngăn cản không cho anh Q khai thác cây. P cùng với bà Hán có hành vi mỗi người dùng 01 con dao đưa vào lưỡi của máy đang chạy của anh Q đang sử dụng, làm lưỡi của bị hư hỏng. Anh Q đã trình báo đến Công an xã Đ. Ngày 05/01/2024, Công an xã Đ đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với N T P và bà Phùng Thị Hán. Ngày 09/01/2024, Công an huyện L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N T P và Phùng Thị Hán vì có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của anh Q theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 14 Nghị định số 144 ngày 31/12/2021 của Chính Phủ.

Tiếp đó, đến khoảng 07 giờ ngày 11/05/2024, anh N T Q cùng với anh Nguyễn Đình Thiện, sinh năm 1970, ở khu 6, xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh T và anh Đào Văn Thê, sinh năm 1994, ở khu Đồng Thi, xã Đồng Lạc, huyện L, tỉnh T khai thác cây kakeo đã ký hợp đồng mua của ông T, thì N T P một mình đi đến, cầm theo 01 con dao (*loại dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28 cm, cán dao bằng gỗ dài 40 cm*) đến ngăn cản không cho anh Q, anh Thiện, anh Thê khai thác cây. Lúc này anh Thê dùng 01 chiếc cửa máy nhãn hiệu HUSQVARNA365, màu cam khai thác được 01 cây kakeo, P đi lại nói với anh Thê dùng lại không được cắt nữa, nói đây là đất của gia đình P. anh Thê dùng cửa để cắt đổ cây kakeo thứ hai, P tiếp tục yêu cầu anh Thê không được cắt cây. Khi anh Thê dùng cửa để cắt cây thứ ba thì P dùng con dao mang theo kê vào phần lưỡi của chiếc cửa máy mà anh

Thẻ đang sử dụng để ngăn cản anh Thẻ. Khi cây đồ, anh Thẻ đưa chiếc cưa máy cho anh Q để cắt cành cây thì P dùng dao chém 02 (hai) phát vào phần xích của chiếc cưa máy, làm xích của chiếc cưa máy bị đứt. Sau khi chặt đứt xích của chiếc cưa máy thì P đi về. Anh N T Q đã trình báo đến Công an xã Đ, huyện L để giải quyết. Ngày 22/5/2024, Công an xã Đ đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an huyện L để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 25/5/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L định giá để xác định giá trị của 01 dây xích cưa máy (loại cưa xăng) nhãn hiệu HUSQVARA365 đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 29/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: *01 dây xích cưa máy (loại cưa xăng) nhãn hiệu HUSQVARA365 đã qua sử dụng có giá trị là: 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Như vậy, ngày 11/5/2024, N T P đã có hành vi dùng 01 con dao (loại dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28 cm, cán dao bằng gỗ dài 40 cm) chém 02 nhát vào chiếc cưa máy nhãn hiệu HUSQVARA365 của anh N T Q, làm dây xích của chiếc cưa máy bị đứt, hư hỏng, trị giá thiệt hại là 150.000 đồng. Đây là hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, mặc dù giá trị tài sản bị thiệt hại dưới 2.000.000 đồng, nhưng N T P đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tính đến ngày 11/5/2024, P chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, hành vi dùng dao chém đứt dây xích chiếc cưa máy của anh Q ngày 11/5/2024 của N T P đã cấu T tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý các vật chứng gồm:

- Thu giữ của anh N T Q 01 chiếc cưa máy nhãn hiệu HUSQVARNA màu cam, đã qua sử dụng, bị đứt phần xích cưa. Quá trình điều tra, anh Q đã có đơn xin lại chiếc cưa nêu trên để phục vụ lao động. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh N T Q.

- Thu giữ của N T P 01 con dao, loại dao quắm đã qua sử dụng, lưỡi dao bằng kim loại dài 28 cm, cán dao bằng gỗ dài 40 cm, lưỡi dao có nhiều vết vỡ, thân dao bên trái có nhiều vết xây sát, sống dao có nhiều vết lún. Hiện đang được bảo quản và xem xét xử lý trong quá trình giải quyết vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh N T Q yêu cầu N T P phải bồi thường số tiền 150.000 đồng thiệt hại của chiếc cưa máy. N T P chưa bồi thường gì cho anh Q.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo N T P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo về diễn biến thực hiện hành vi phạm tội là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng, lời khai của bị hại, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKSYL-HS ngày 27/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo N T P về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về điều luật: Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 178; điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo N T P phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

2. Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo N T P từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan THA hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo P cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo N T P không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần (không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng). Trong thời gian chấp hành hình phạt P phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ 5% từ thu nhập bình quân hàng tháng của bị cáo là 3.300.000đ/tháng = 165.000đ/tháng để nộp vào ngân sách nhà nước trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Việc khấu trừ được thực hiện hàng tháng.

5. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc Bị cáo P phải bồi thường giá trị thiệt hại của chiếc cửa máy số tiền là 150.000 đồng cho anh N T Q.

6. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc cửa máy nhãn hiệu HUSQVARNA màu cam, đã qua sử dụng, bị đứt phần xích cửa cho anh N T Q.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 con dao, loại dao quắm đã qua sử dụng, lưỡi dao bằng kim loại dài 28 cm, cán dao bằng gỗ dài 40 cm, lưỡi dao có nhiều vết vỡ, thân dao bên trái có nhiều vết xây sát, sống dao có nhiều vết lún thu giữ của N T P.

7. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 của UBTVQH miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự cho bị cáo P.

** Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo:*

- Về tội danh: nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 178 BLHS vì theo lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện vào ngày 11/5/2024 tại khu 2 xã Đ, huyện L, tỉnh T, N T P đã có hành vi dùng 01 con dao chém 02 nhát vào chiếc cửa máy của anh N T Q làm đứt dây xích cửa máy của anh Q, giá trị thiệt hại là 150.000 đồng. Mặc dù giá trị tài sản bị thiệt hại là dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo P đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản và tính đến ngày 11/5/2024 chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy hành vi của bị cáo P đã cấu T tội Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 178 BLHS.

- Về hình phạt: Đề nghị HĐXX xem xét nhân thân, điều kiện hoàn cảnh, động cơ mục đích và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS: *Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*. Vì bị cáo chưa có tiền án và tội danh lần này bị cáo phạm phải là tội ít nghiêm trọng; tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS: *“người phạm tội T khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã rất T khẩn khai báo về toàn bộ hành vi diễn biến sự việc phạm tội nhưng do trình độ văn hóa của bị cáo thấp (8/12) và bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức và hiểu biết pháp luật của bị cáo có phần hạn chế; Đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS đó là: bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, trong vụ án này giá trị tài sản bị hư hỏng, thiệt hại không lớn chỉ có 150.000 đồng. Nguyên nhân của hành vi phạm tội xuất phát từ mâu thuẫn, tranh chấp đất đai kéo dài từ năm 2011 đến nay.

Từ những phân tích đó, tôi đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm a khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà VKS đề nghị là 06 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về trách nhiệm dân sự: Tôi nhất trí quan điểm của VKS buộc bị cáo bồi thường số tiền 150.000 đồng cho anh Q và đề nghị miễn án phí cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội và không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N T P thừa nhận: Khoảng 07 giờ, ngày 11/5/2024, tại khu 2, xã Đ, huyện L, tỉnh T, N T P đã có hành vi dùng 01 con dao (loại dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28 cm, cán dao bằng gỗ dài 40 cm) chém 02 nhát vào chiếc cửa máy nhãn hiệu HUSQVARA365 của anh N T Q, làm dây xích của chiếc cửa máy bị đứt, hư hỏng, trị giá thiệt hại là 150.000 đồng. Mặc dù giá trị tài sản bị thiệt hại dưới 2.000.000đ, nhưng N T P đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tính đến ngày 11/5/2024, P chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, hành vi của N T P đã cấu T tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 178 Bộ luật Hình sự. Hành vi của P là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, phải được xử lý nghiêm trước pháp luật.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với biên bản kiểm tra hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự quy định như sau: “1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;

b)....”

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng bị cáo đã có hành vi ngang nhiên xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang trong nhân dân. Bị cáo P là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm

với lỗi cố ý trực tiếp. Lần phạm tội này bị cáo P được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS: Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì và Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, N T P đã T khẩn khai báo thừa nhận hành vi dùng dao làm hư hỏng tài sản của anh Q, mặc dù đã được điều tra viên, kiểm sát viên Thẩm phán chủ tọa phiên toà giải thích đây là hình vi vi phạm pháp luật nhưng P vẫn cho rằng hành vi của mình là không vi phạm pháp luật, không thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Do vậy, Hội đồng xét xử không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm, khoản 1, Điều 51 BLHS

Bị cáo N T P không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội, của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ cho bị cáo cải tạo trở T người có ích cho gia đình và xã hội.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 triệu đồng đến 100.000.000 triệu đồng*”. Qua xác minh tại địa phương nơi bị cáo sinh sống về tài sản và thu nhập của bị cáo xác định được: Bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị, bị cáo có nghề lao động tự do. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về khấu trừ thu nhập: Tai biên bản xác minh về tài sản và nguồn thu nhập của bị cáo mà Cơ quan điều tra đã xác minh xác định bị cáo có thu nhập trung bình hàng tháng là 3.300.000đ/tháng. Do đó khấu trừ 5% từ thu nhập của bị cáo P hàng tháng = 165.000đ/tháng trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và bồi thường: Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản: Anh N T Q yêu cầu bị cáo P phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tại phiên toà bị cáo P không đồng ý với yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh Q.

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đều thừa nhận chiếc cưa của anh Q bị hư hỏng là do do hành vi trái pháp luật của bị cáo gây ra và chưa bồi thường cho anh Q nên cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Q số tiền 150.000 đồng là phù hợp.

[6]. Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 chiếc cưa máy nhãn hiệu HUSQVARNA màu cam, đã qua sử dụng, bị đứt phần xích cưa của anh N T Q. Quá trình điều tra anh Q đã có đơn xin lại chiếc cưa để phục vụ lao động nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Q là phù hợp nên cần xác nhận.

+ Đối với 01 con dao, loại dao quắm đã qua sử dụng, lưỡi dao bằng kim loại dài 28 cm, cán dao bằng gỗ dài 40 cm, lưỡi dao có nhiều vết vỡ, thân dao bên trái có nhiều vết xây sát, sống dao có nhiều vết lún thu giữ của N T P. Đây là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu huỷ là phù hợp.

[7]. Về án phí: Bị cáo N T P là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự và án phí dân sự trọng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo N T P phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt bị cáo N T P 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan THA hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo P cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần (không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng). Trong thời gian chấp hành hình phạt N T P phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Khấu trừ 5% từ thu nhập của bị cáo P hàng tháng là 165.000đ/tháng trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt để nộp vào ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N T P.

[2]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Xác nhận Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh N T Q 01 chiếc cưa máy nhãn hiệu HUSQVARNA màu cam, đã qua sử dụng, bị đứt phần xích cưa.

- Tịch thu tiêu hủy của N T P 01 con dao, loại dao quắm đã qua sử dụng, lưỡi dao bằng kim loại dài 28 cm, cán dao bằng gỗ dài 40 cm, lưỡi dao có nhiều vết vỡ, thân dao bên trái có nhiều vết xây sát, sống dao có nhiều vết lún.

(Theo biên bản dao nhận vật chứng đến cơ quan thi hành án dân sự huyện L ngày 04/10/2024).

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 BLDS: Buộc Bị cáo N T P phải bồi thường giá trị thiệt hại của chiếc cưa máy số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) cho anh N T Q.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên mà người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thoả thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thoả thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự cho bị cáo N T P.

[6]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Những người TGTT;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh T;
- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự H. L;
- Công an huyện L;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thảo

